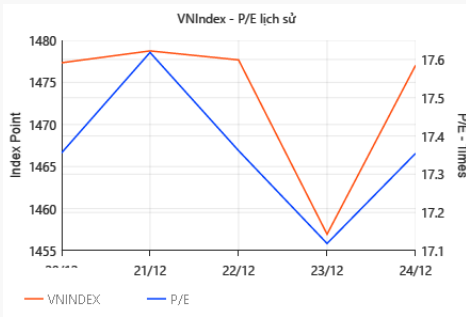


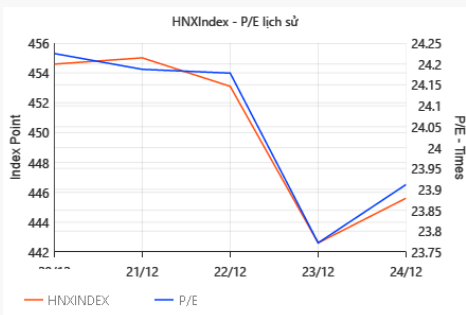
VN-INDEX

Bộ phận Chiến lược đầu tư



Điểm số	1,477.03
Tuần qua (WoW)	-0.19%
Từ đầu năm (YTD)	33.80%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	8.29%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	15.94%
P/E	17.35
P/B	2.77

HNX -INDEX



Điểm số	445.61
Tuần qua (WoW)	-2.32%
Từ đầu năm (YTD)	119.38%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	11.26%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	14.62%
P/E	23.91
P/B	2.56

KHÉP LẠI MỘT NĂM NHIỀU KỶ LỤC TRÊN THỊ TRƯỜNG

Thị trường vẫn đang vận động tương đối giằng co khi tiến về cuối năm khi dòng tiền margin nhìn chung sẽ được thắt chặt lại. Dù xu hướng tăng vẫn chưa được hình thành, lực bán chốt lời tiếp tục được hấp thụ tốt tại vùng giá thấp ngay trong phiên vẫn là điểm tích cực đáng ghi nhận. Nhóm Ngân hàng trở lại trong phiên cuối tuần đang khiến cho nhiều nhà đầu tư kỳ vọng vào khả năng xác lập vùng đỉnh mới 1,500 ngay trong 2021. Chúng tôi cho rằng việc này không quá quan trọng với hoạt động đầu tư ở thời điểm hiện tại khi sự phân hoá trên thị trường ngày càng cao.

Tuần giao dịch sắp tới khép lại một năm nhiều kỷ lục của thị trường cả về thanh khoản, mức điểm, mức tăng giá của nhiều cổ phiếu, số lượng tài khoản mở mới. Ở thời điểm hiện tại nhiều cổ phiếu đã thu hút dòng tiền nóng trên thị trường nhờ triển vọng tương lai nhưng nhà đầu tư cần tạo một biên an toàn từ giá mua tới định giá kỳ vọng của mình để có thể chịu được những đợt biến động ngắn hạn của thị trường. Nói cách khác chúng ta cần kiên nhẫn chờ mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc tích lũy của cổ phiếu trong giai đoạn hiện tại.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch: Mã TTF trong Danh mục Giao dịch đã đạt và vượt giá mục tiêu và có thể được tiếp tục năm giữ.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường có tuần giảm điểm và qua đó thêm phần ủng hộ cho việc duy trì một trạng thái thận trọng vào lúc này, với mục tiêu trung dài hạn, và thậm chí là cả ngắn hạn.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	9.2%	174.6%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.3%	19.3%	-	-3.0%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	14.9%	-	15.8%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	11.8%	181.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	12.1%	-	19.2%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	6.4%	42.0%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	54.9%	77.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	111.0%	136.7%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	11.6%	80.6%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	31.3%	130.4%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	19.4%	-	115.7%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	31.2%	66.8%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	-	43.6%	85.6%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	11.5%	83.7%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	9.6%	33.2%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	11.8%	-	29.8%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 – 28,000	46,000	21,900	1:3	-11.4%
TNG	24/08/21	25,460 – 26,850	35,180	24,000	1:3	25.9%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	23.9%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	70.0%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	20.9%
VND*	09/06/21	32,280 – 35,100	50,140	29,460	1:2.7	127.6%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	147.2%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	32.4%
BID	28/05/21	46,000 – 48,500	65,000	42,500	1:3	-8.9%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	82.0%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	26.7%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	42.9%
SMC*	11/05/21	34,800 – 37,500	50,000	31,000	1:2	11.6%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	72.8%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	239.3%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	30.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	323.4%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	34.3%
TTF	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	81.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-4.7%
VCB	18/03/21	96,300 – 98,500	125,000	94,000	1:6	3.0%
GEG	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	17.8%
FCN	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	100.7%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	13.3%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	219.3%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	14.6%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	44.8%
CCL*	17/02/21	10,000 – 11,000	18,000	8,700	1:3	74.1%
SAM*	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200	1:5	120.7%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	67.6%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	45.9%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	30.0%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	130.6%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	160.8%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	346.2%
DRI*	20/10/20	4,430 – 4,930	9,930	3,630	1:4	240.8%

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thị trường có nhịp biến động mạnh vào 2 ngày cuối tuần vừa qua. Trong khi VN-Index giảm nhẹ thì HNX-Index đã điều chỉnh khá mạnh, thanh khoản trên cả 2 sàn cùng tăng, nhất là về mặt giá trị.

Việc VN-Index có nhịp điều chỉnh không quá mạnh được hỗ trợ chủ yếu từ nhóm ngân hàng với VCB, EIB và SSB nằm trong nhóm các cổ phiếu cộng điểm chính cho thị trường, bên cạnh MSN và GVR. Ở chiều ngược lại là nhóm cổ phiếu VIC, VHM và GAS.

Xét về phía nhóm giao dịch tích cực, nhóm Ô tô dẫn đầu về mức tăng nhưng thực tế cũng chỉ tập trung tại TCH và HHS, 2 mã có cả lực đẩy từ hoạt động bất động sản. Nhóm Truyền thông ghi nhận mức tăng tốt nhưng đều là các mã smallcap. Ở chiều ngược lại, nhóm Y tế với TNH, DCL, nhóm chứng khoán với APS, TCI, FTS là các nhóm ghi nhận mức điều chỉnh sâu trong tuần.

Việc khối ngoại bán ròng đã không phải là diễn biến bất thường trong thời gian qua, tuy nhiên điểm nhấn đáng chú ý trong tuần này là việc lực bán ròng tập trung tại sàn HNX nhiều hơn HSX (trong khi thường hoạt động của khối ngoại trên HNX không có nhiều diễn biến đáng chú ý). Toàn bộ lực bán ròng của khối ngoại tập trung tại một trong những mã nóng nhất trên thị trường thời gian qua là CEO. Với mức tăng giá hơn 6 lần trong vài tháng của cổ phiếu bất động sản này, động thái chốt lời của khối ngoại là hoàn toàn bình thường. Giao dịch tự doanh không có nhiều điểm nhấn trong tuần.

POW cũng là một trường hợp đáng chú ý trong tuần vừa qua khi nhịp điều chỉnh sâu đã diễn ra sau nhịp tăng giá hơn 40% gần đây. Mặc dù vậy thì thị trường đã phản ứng khá mạnh với thông tin quý thua lỗ đầu tiên của POW kể từ khi niêm yết. Việc ghi nhận lỗ trong quý 4 do chi phí bảo dưỡng và sửa chữa sự cố kỹ thuật của nhà máy điện than Vũng Áng, đây là sự cố từ tháng 9/2021. Mức lỗ trước thuế 124 tỷ đồng trong quý 4 mới chỉ tính tới 21/12 và doanh nghiệp dự kiến có thể tăng thêm trong những ngày cuối năm.

CHIẾN LƯỢC

Trường hợp của POW đã cho thấy lý do tại sao dòng tiền đang có sự thận trọng hơn khi đi gần về mùa báo cáo kết quả kinh doanh quý IV. Ở thời điểm hiện tại nhiều cổ phiếu đã thu hút dòng tiền nóng trên thị trường nhờ triển vọng tương lai tích cực nhưng khi kết quả trong quý IV vẫn còn có thể chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ đại dịch, nhà đầu tư cần tạo một biên an toàn từ giá mua tới định giá kỳ vọng của cổ phiếu để có thể chịu được những đợt biến động ngắn hạn của thị trường. Nói cách khác chúng ta cần kiên nhẫn chờ mua vùng giá thấp.

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Sau khi điều chỉnh sâu trong ngày thứ 2, nhiều thị trường trên thế giới đã có sự hồi phục ngay trong tuần. Mức biến động của các chỉ số chứng khoán khá phân hoá trong tuần vừa qua.

Khi chuẩn bị kết thúc năm 2021 và bước sang 2022, một điểm nhấn đáng chú ý là khả năng sẽ có sự lệch pha trong chính sách giữa các nền kinh tế lớn. Tại Mỹ, sau các biện pháp kích thích tiền tệ đang được thu hẹp và kế hoạch tăng lãi suất khoảng 3 lần trong 2022, các gói kích thích tài khoá của Tổng thống Mỹ Biden

đang gặp khó và nhiều khả năng sẽ phải cắt giảm quy mô, việc này sẽ tác động trực tiếp làm giảm kỳ vọng GDP 2022 của Mỹ.

Ở chiều ngược lại, Trung Quốc đã giảm nhẹ lãi suất trong tuần vừa qua 5 điểm cơ bản (0.05%). Mức giảm này khó tạo ra tác động cụ thể nhưng là tín hiệu cho khả năng Trung Quốc có thể thực hiện cắt giảm mạnh với tác động cụ thể hơn vào 2022. Chính phủ Trung Quốc đang đưa dần các biện pháp hỗ trợ ở mức nhẹ tới nền kinh tế sau giai đoạn rà phanh với thị trường Bất động sản để ngăn chặn rủi ro hệ thống.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần giảm 0.2%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa và cao hơn đáng kể so với mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và cao hơn trung bình.

Thị trường có hai ngày đầu tuần tiếp tục không có gì đặc biệt với biên độ dao động hẹp và khối lượng giao dịch thấp. Sự khác biệt chỉ đến trong ngày thứ tư khi VNINDEX có thời điểm vượt đến mức điểm cao hơn nhiều ngày liền trước nhưng kết phiên đóng cửa lại thấp hơn mở cửa và thấp hơn nhiều mức cao nhất ngày hôm đó, và khối lượng giao dịch

cả ngày cũng lớn hơn trung bình. Áp lực bán trở nên mạnh mẽ và rõ ràng hơn trong ngày thứ năm, với mức giảm lớn và khối lượng giao dịch cũng rất lớn, khiến chỉ số chung phá thủng vùng đi ngang nhiều ngày trước đó. Dù vậy thì áp lực bán này không tiếp tục duy trì trong ngày thứ sáu, và VNINDEX hồi phục đáng kể, dù khối lượng giao dịch thì thấp nhất trong tuần.

Nhìn chung việc suy yếu trong ngày thứ năm và hồi phục nhưng không thực sự cho thấy đủ sự đáng tin trong ngày thứ sáu vẫn cho thấy sự đồng thuận với những gì được dự kiến trong thời gian gần đây, đó là việc sẽ cần sự điều chỉnh tích lũy với nhóm đã tăng mạnh (vốn hóa vừa và nhỏ) và sự ổn định cho đến tích cực với nhóm đã điều chỉnh khá lâu (vốn hóa lớn).

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,390 – 1,410
Kháng cự	1,500 – 1,520

TIN TIÊU ĐIỂM

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va- NVL VN

Novaland (HoSE: NVL) vừa công bố tài liệu lấy ý kiến cổ đông về phương án phát hành tối đa 5.640 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm (trái phiếu chuyển đổi). Song song với đó đơn vị cũng dự kiến phát hành tối đa 235 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, kèm chứng quyền, được bảo đảm (trái phiếu kèm chứng quyền). Khối lượng chứng quyền dự kiến phát hành tối đa 61 triệu.

Đối tượng chào bán là các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và nhà đầu tư chiến lược trong nước, trong đó số lượng nhà đầu tư chiến lược dưới 100 người. Thời gian phát hành dự kiến trong quý I/2022 và sau ngày 7/1/2022.

Kỳ hạn trái phiếu dự kiến 10 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định 10% mỗi năm đối với trái phiếu chuyển đổi và 8% mỗi năm đối với trái phiếu kèm chứng quyền. Kỳ tính lại sẽ do HĐQT quyết định tùy vào tình hình thị trường và thỏa thuận. Thời gian phát hành dự kiến trong quý I/2022 và sau ngày 7/1/2022.

CTCP Vận tải Xếp dỡ Hải An - HAH VN

Vận tải Xếp dỡ Hải An (HoSE: HAH) vừa công bố tổng doanh thu năm nay ước đạt gần 1.900 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 389 tỷ đồng, lần lượt tăng 14% và 146% so với kế hoạch đề ra. So với năm 2020, doanh thu và lợi nhuận ước thực hiện này lần lượt tăng 58% và gấp 2,7 lần.

Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt - TIN VN

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa có quyết định về việc chấp thuận niêm yết đối với cổ phiếu của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VietCredit - Mã: TIN). Theo đó, gần 68,8 triệu cổ phiếu TIN, tương đương vốn điều lệ 687,9 tỷ đồng, sẽ bắt đầu giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 28/12 với giá tham chiếu 15.200 đồng/cp.

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

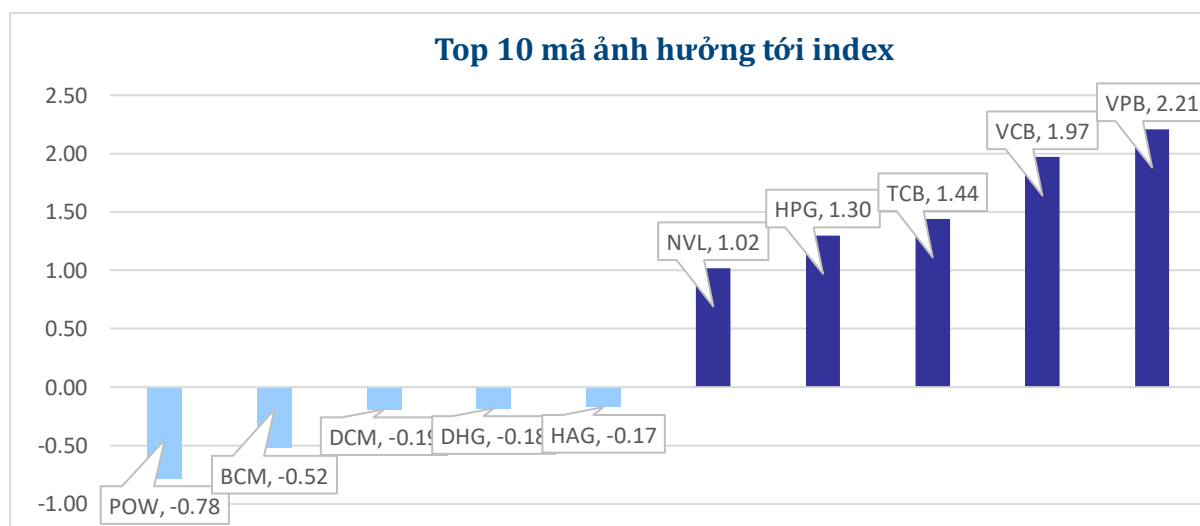
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,477.03	1.38%	20.07	889.48	25,443.6	270	45	191
Vn30 - Index	1,506.67	1.98%	29.30	213.89	9,008.2	25	1	4
Vn - Mid	2,167.80	1.47%	31.45	270.49	8,829.1	38	3	29
VN - Small	2,138.20	-0.22%	-4.77	249.38	4,841.4	88	17	86
HNX - Index	445.61	0.68%	3.00	115.18	2,996.9	129	46	163
Upcom - Index	110.15	0.57%	0.62	139.46	1,696.4	209	89	222

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	25,443.60	-44.16%	889.48	-34.64%
HNX	2,996.90	-33.11%	115.18	-28.90%

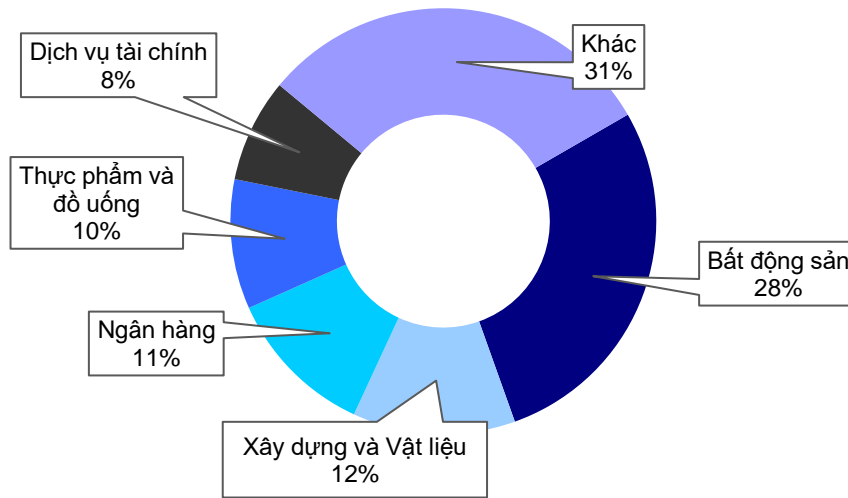
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN



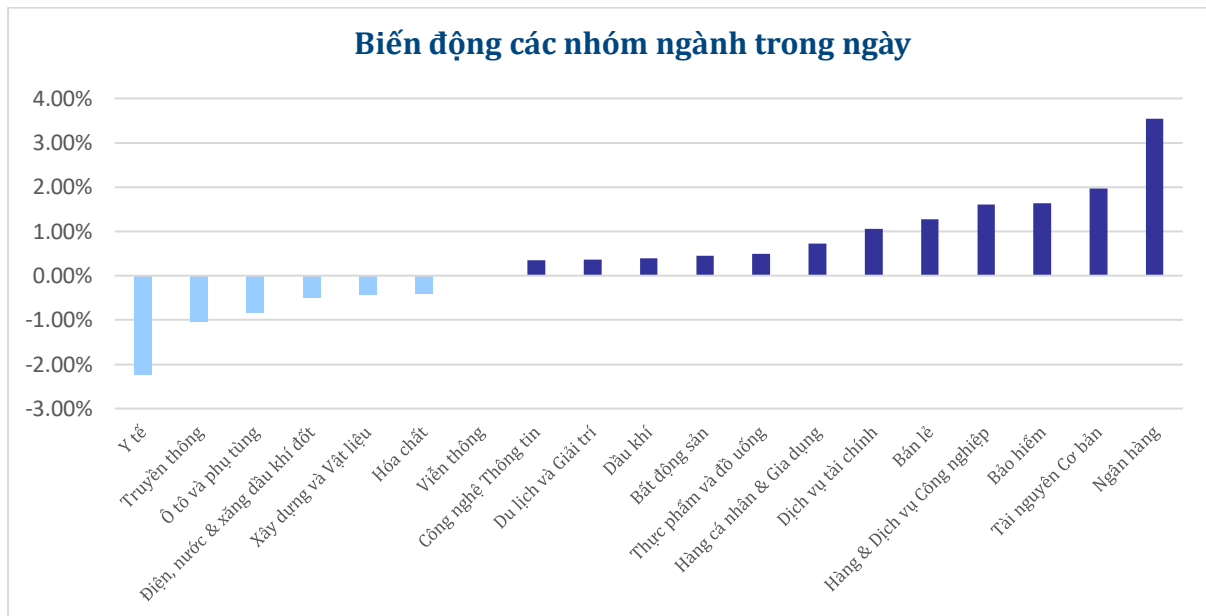
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
POW 68.47	MSN 1,344.5	EIB 409%	GEX 7.0%	LDG -6.9%
ROS 52.03	POW 1,199.6	REE 228%	SHB 7.0%	POW -6.8%
LDG 31.95	HPG 880.5	POW 200%	TPB 6.9%	TDC -6.7%
HAG 29.46	ROS 662.4	MSN 195%	FRT 6.9%	ROS -6.1%
FLC 28.45	LDG 640.7	LDG 175%	EIB 6.8%	HAG -4.7%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày



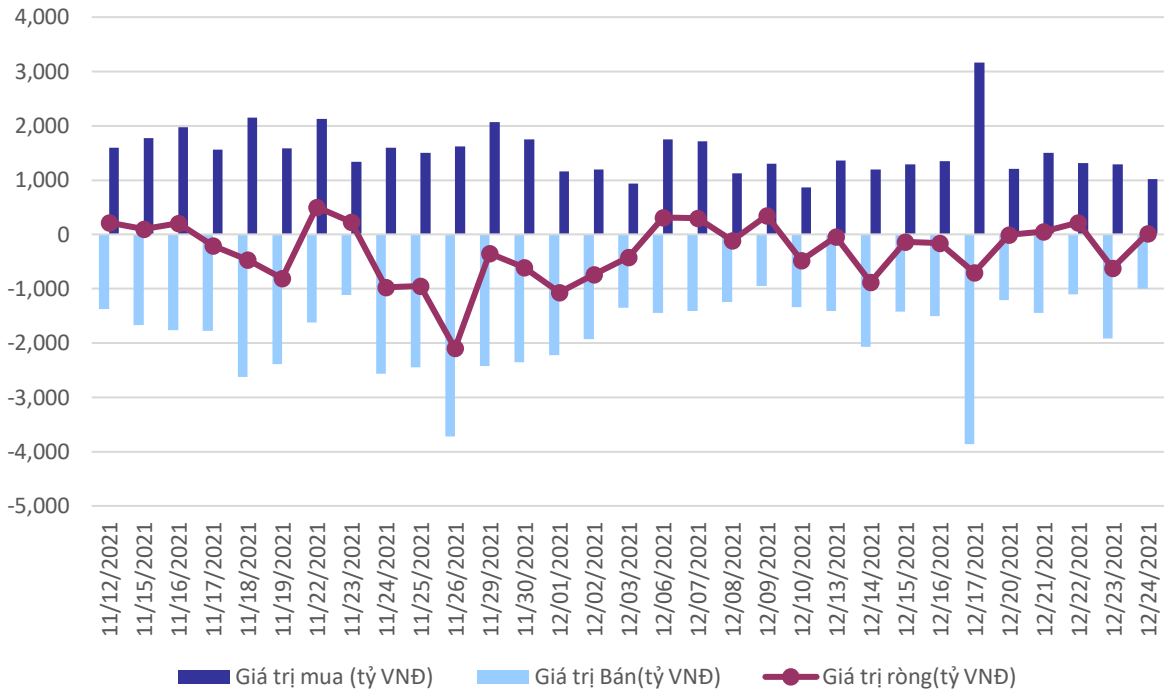
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 18.32 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 172.11 tỷ đồng.

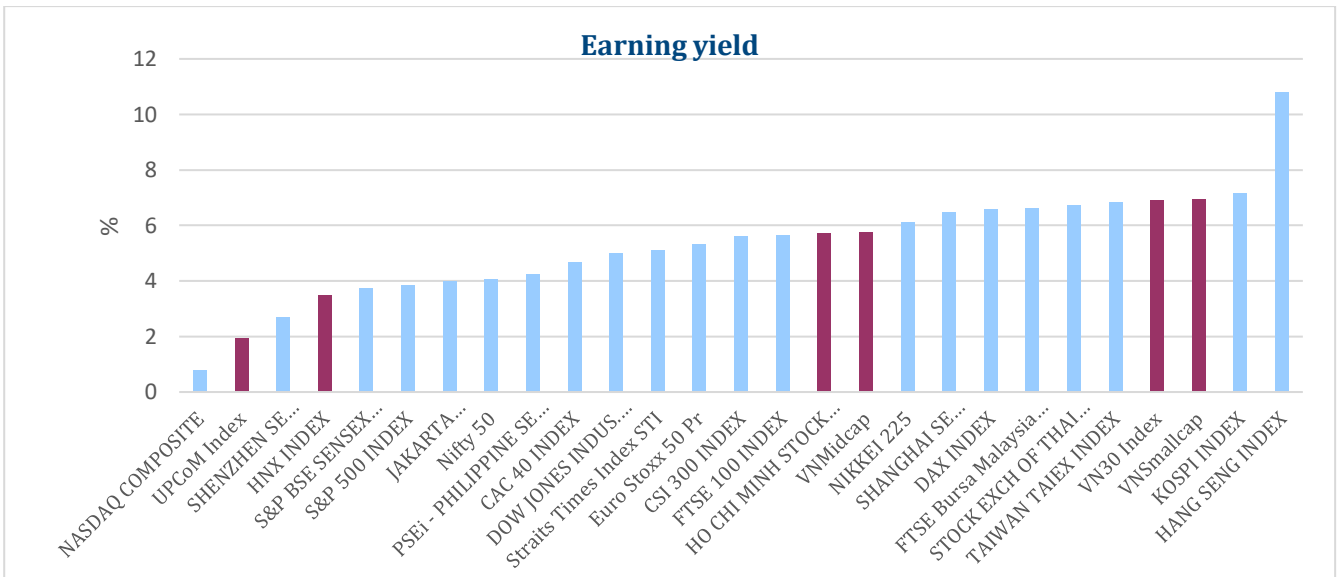
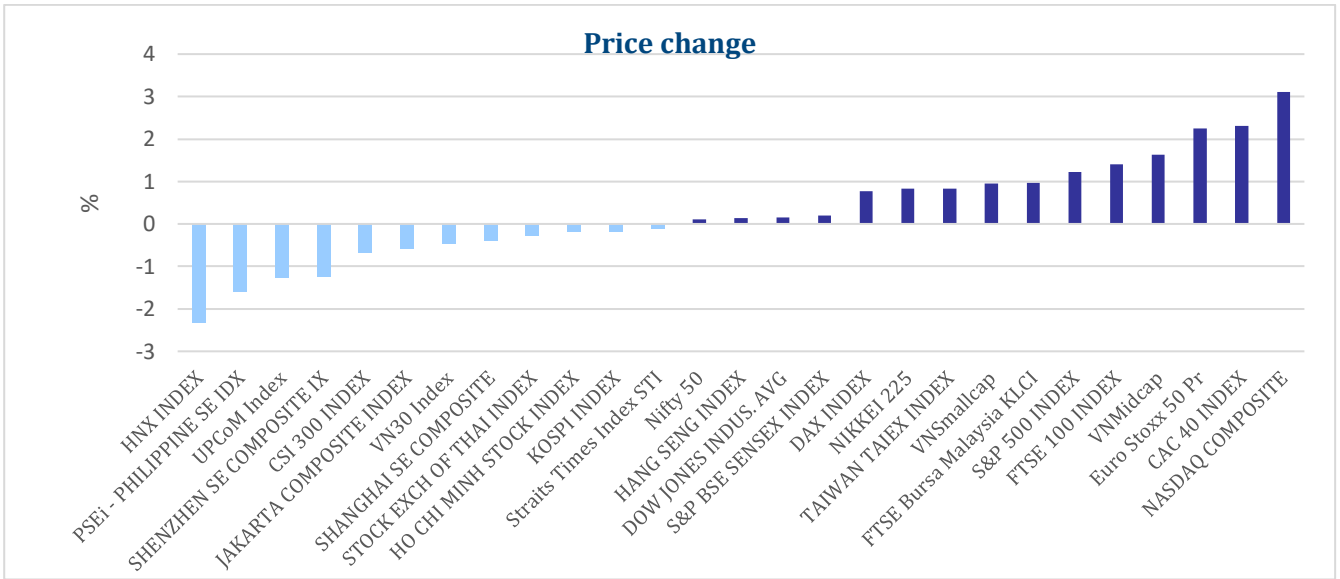
Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VHM	107.95	HPG	142.39
VIC	54.46	MSN	72.53
VRE	53.65	GAS	29.14
NLG	31.03	FUEVFNVD	17.33
VNM	29.33	BID	13.82



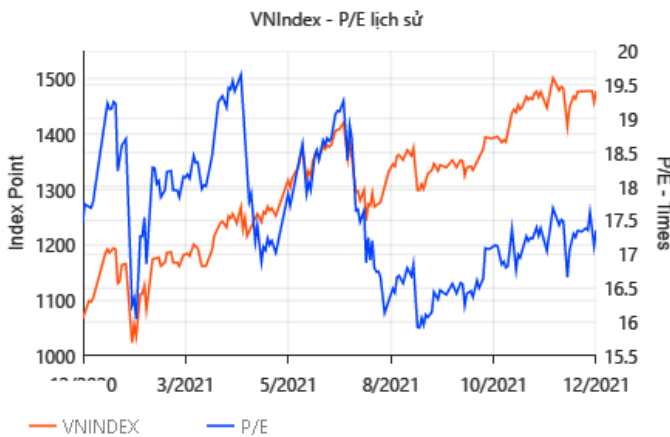
Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE



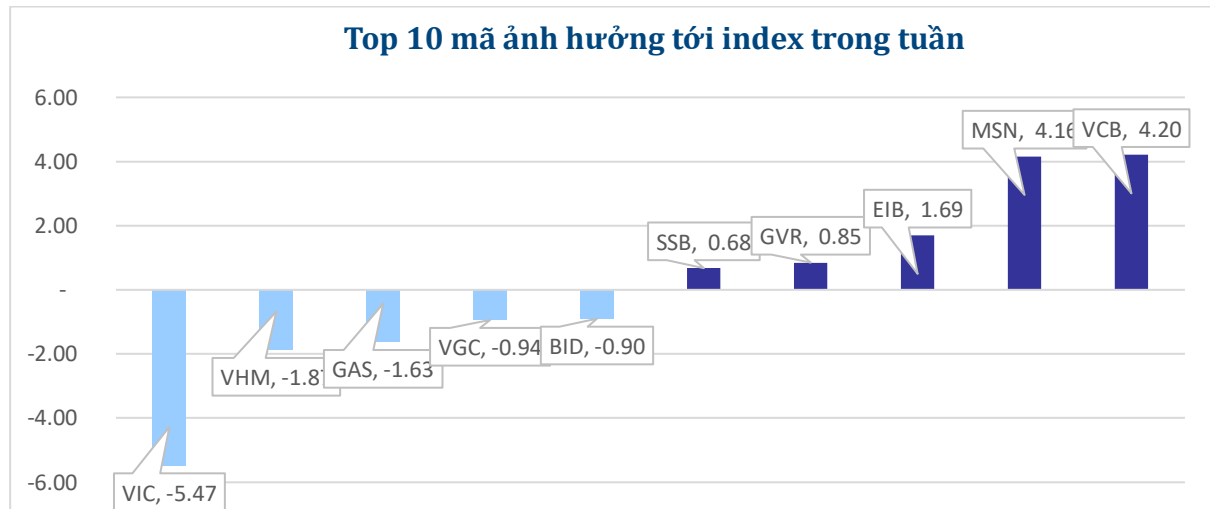
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

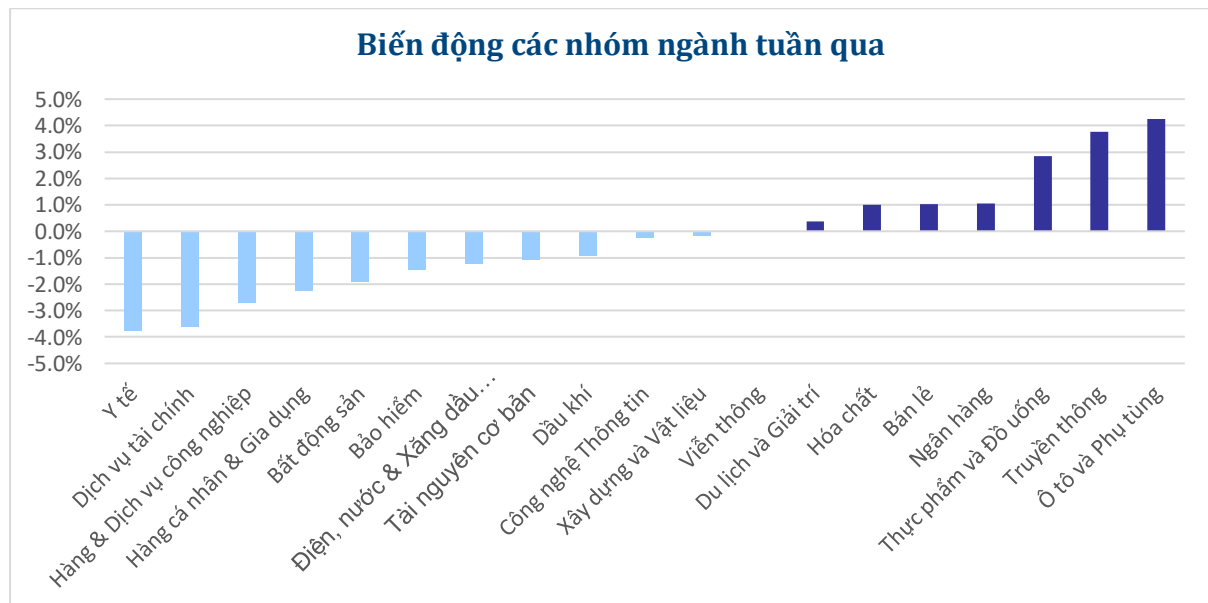


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



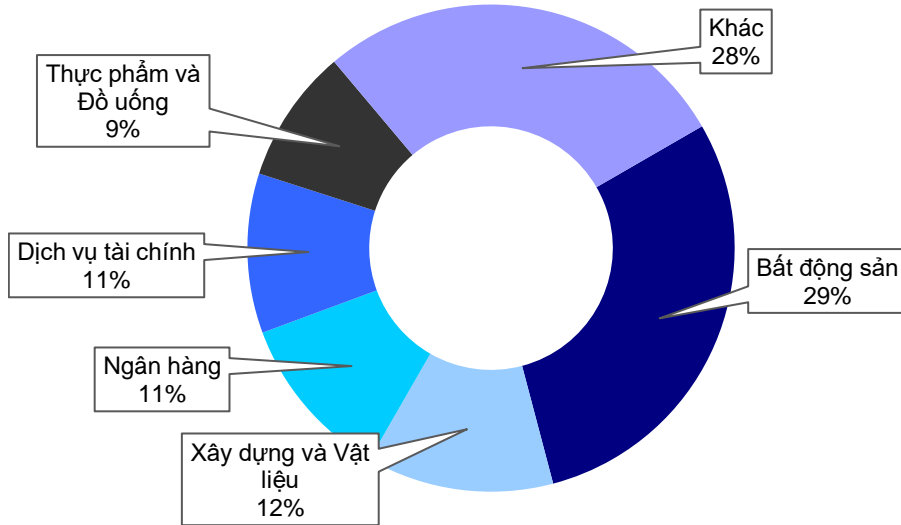
Top KLGD (triệu cp/phiên)	Top GTGD (tỷ đồng/phiên)	Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần	Top tăng điểm với thanh khoản cao	Top giảm điểm với thanh khoản cao					
ROS	49.0	MSN	4.72x	TVS	34.4%	IDJ	-22.2%		
POW	43.3	SSI	911.7	AGM	4.46x	HAR	26.7%	APS	-18.2%
HAG	36.3	HPG	890.5	TVS	3.98x	LCM	24.6%	CMS	-18.1%
HQC	27.0	VCG	817.6	VCG	3.84x	DST	24.0%	IDC	-17.7%
FLC	26.6	POW	785.8	TGG	3.37x	SAM	23.6%	TID	-15.9%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

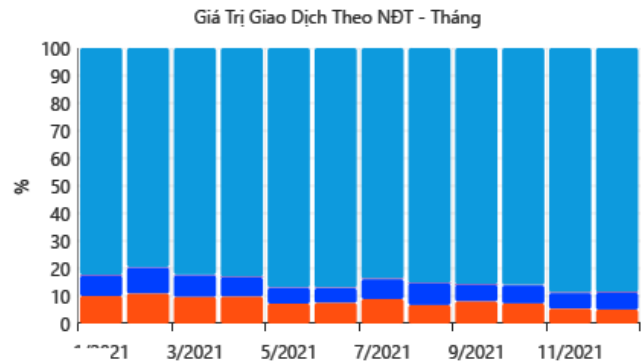
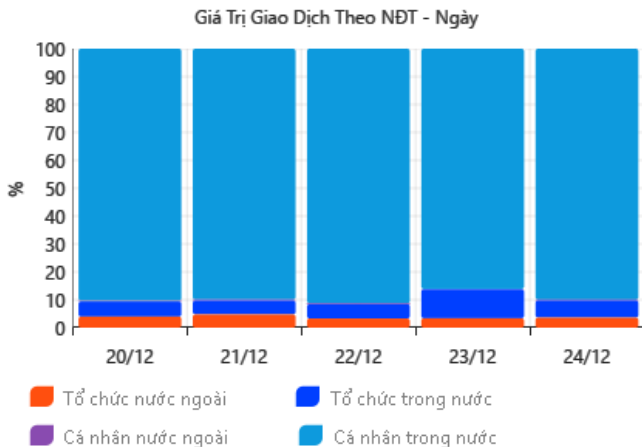


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

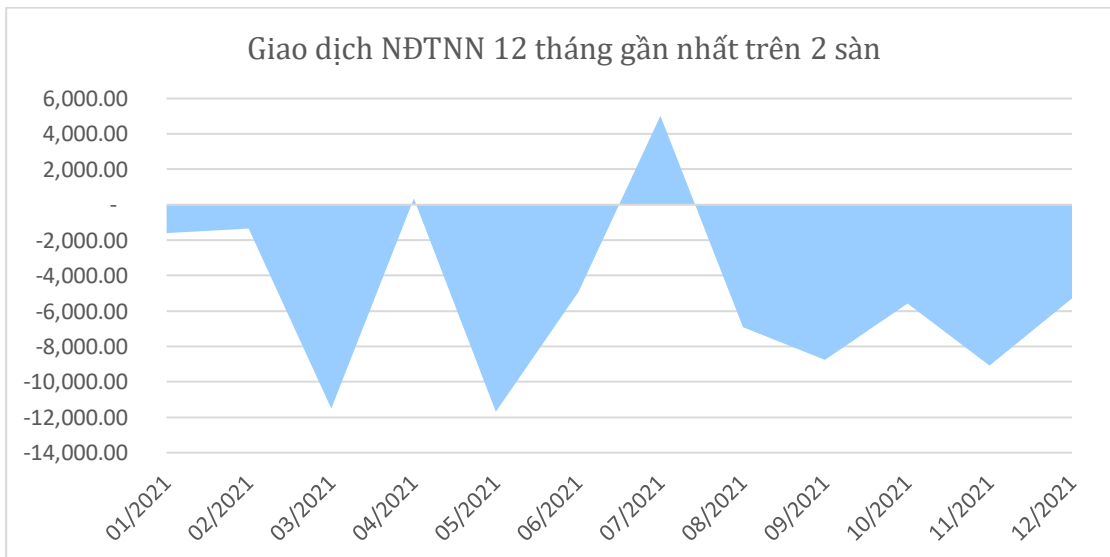
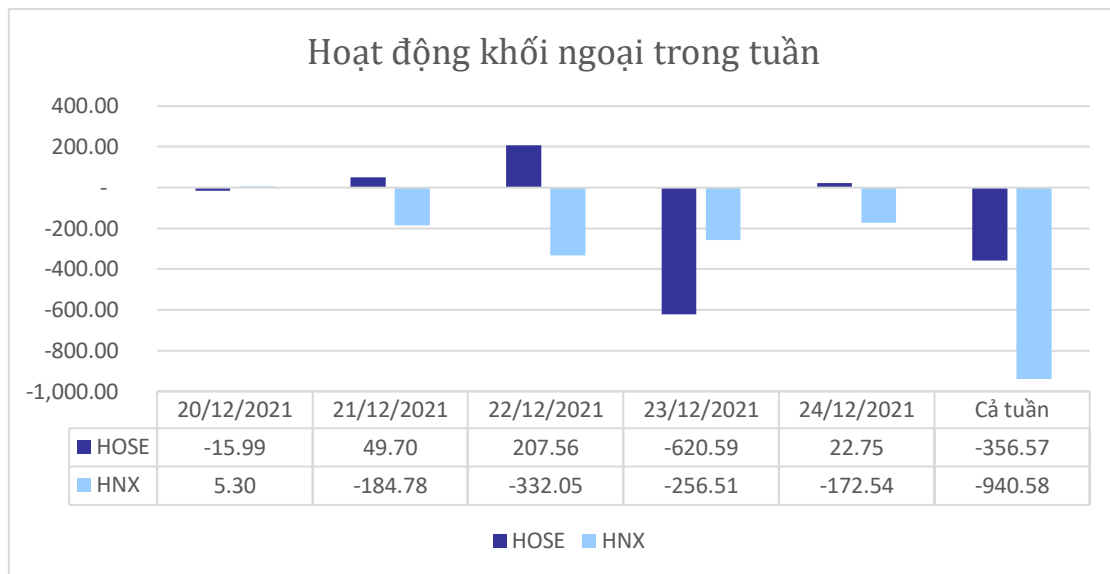
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
MSN	8.57%	12,832.9	VHM	-1.89%	6,188.2
SSI	-6.57%	8,758.8	HPG	-1.39%	2,174.8
VCG	9.43%	8,267.3	GAB	0.20%	1,691.3
HPG	-1.39%	7,892.7	VIC	-5.39%	1,229.1
POW	0.88%	7,625.5	FPT	-2.70%	1,024.7

Tỷ trọng giao dịch



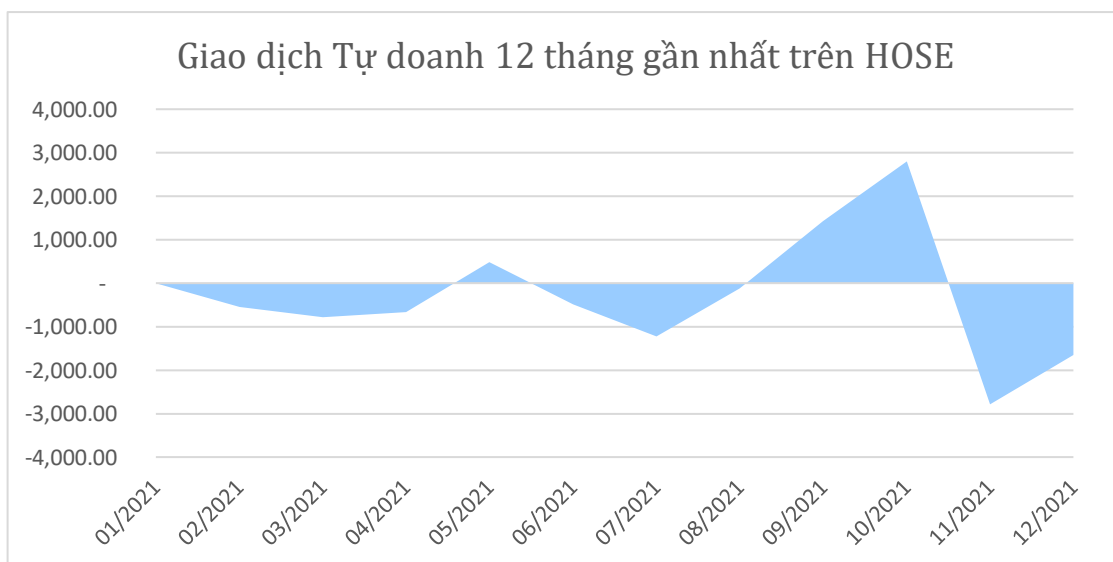
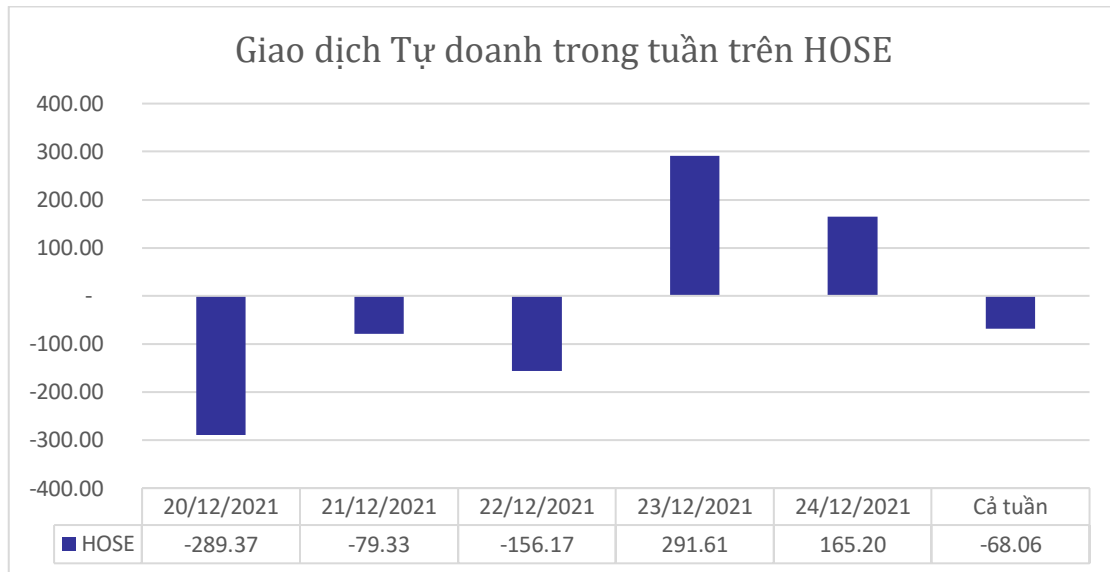
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VHM	-1.89%	445.44	CEO	9.43%	925.08
VRE	1.46%	190.64	MSN	8.57%	376.45
CTG	-0.15%	170.90	HPG	-1.39%	243.11
VIC	-5.39%	168.46	CII	8.33%	155.15
VNM	0.35%	119.08	TVS	34.40%	92.02



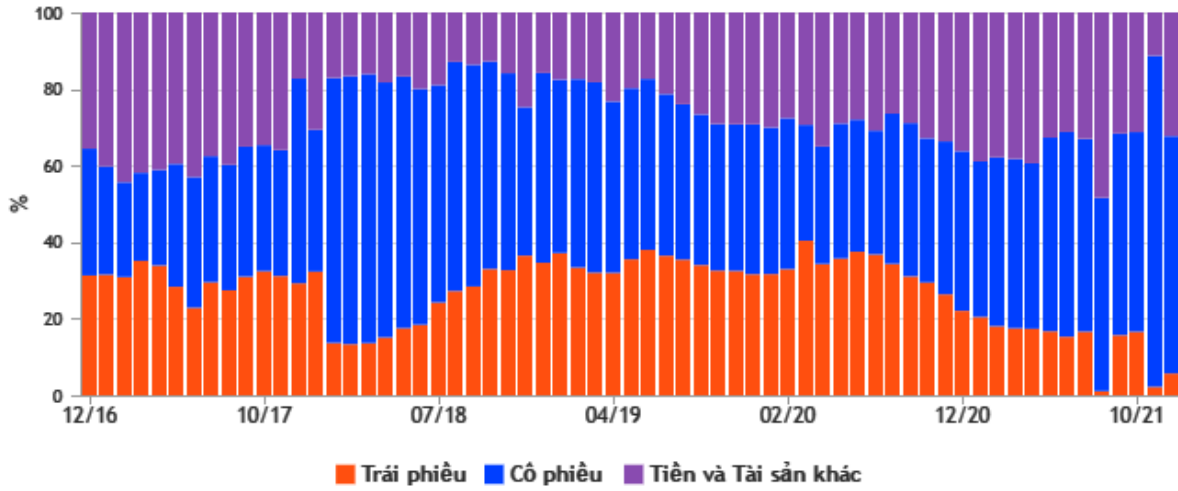
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH TRÊN HOSE CỦA CÁC CTCK

Top Tự doanh Mua ròn			Top Tự doanh Bán ròn		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
KOS	5.51%	101.44	VRE	1.46%	60.50
VPB	1.33%	52.83	HDC	-11.26%	56.20
STB	-0.35%	50.82	FPT	-2.70%	53.35
GEX	-9.89%	49.22	VIC	-5.39%	46.46
MWG	0.07%	36.17	APH	5.92%	40.77

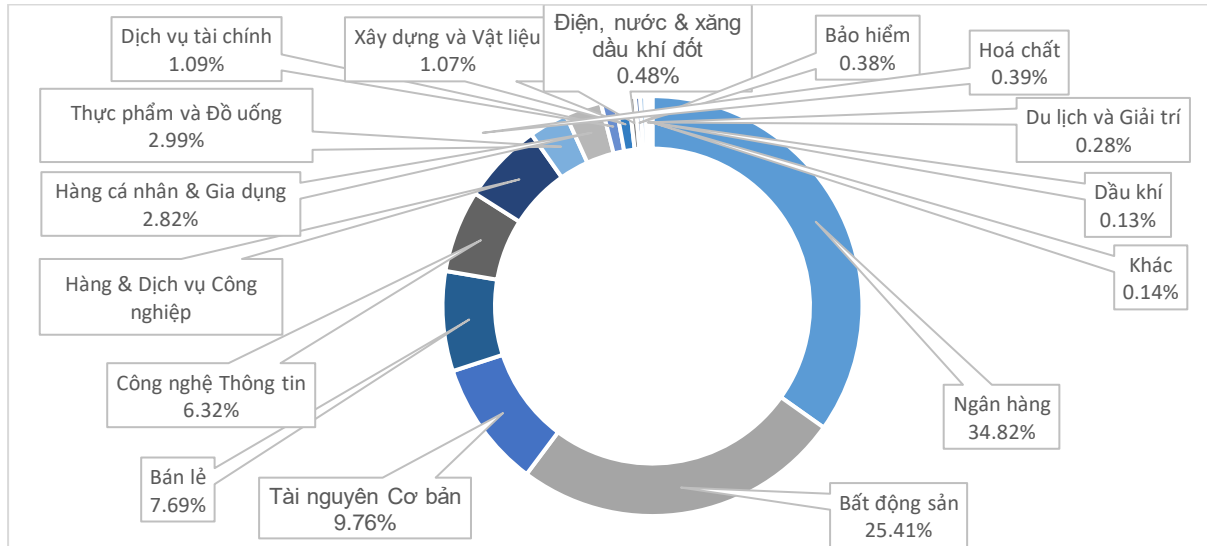


TỔ CHỨC (40 quỹ do finrpo platform theo dõi)

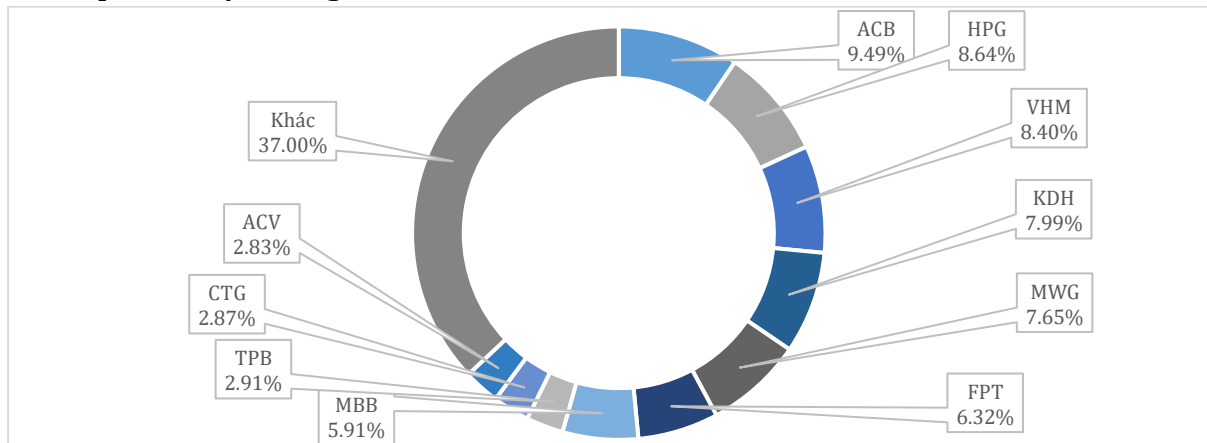
Phân bố tài sản



Phân bố các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
ELC	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021	27/12/21	28/12/21	27/12/21
NCP	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu của Công ty	27/12/21	27/12/21	27/12/21
QNT	Upcom	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:2)	27/12/21	28/12/21	27/12/21
SZG	Upcom	Giao dịch 54.898.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	27/12/21	27/12/21	27/12/21
CII	HSX	Giao dịch 95.193 cp niêm yết bổ sung		20/12/21	27/12/21
GSP	HSX	Niêm yết bổ sung 19.799.445 cp		27/12/21	27/12/21
ECI	HNX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.600 đ/cp)	27/12/21	28/12/21	28/02/22
DGT	Upcom	Giao dịch 13.519.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung	27/12/21	27/12/21	27/12/21
SHB	HSX	Niêm yết bổ sung 202.166.220 cp		27/12/21	27/12/21
IPA	HNX	Giao dịch đầu tiên 89.098.248 cổ phiếu niêm yết bổ sung			28/12/21
MH3	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	28/12/21	29/12/21	20/05/22
DHM	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			28/12/21
IVS	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021	28/12/21	29/12/21	28/12/21
TIN	Upcom	Giao dịch 68.787.214 cổ phiếu đăng ký giao dịch	28/12/21	28/12/21	28/12/21
RAL	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (2.500 đ/cp), bán ưu đãi (tỷ lệ 12.075:11)	28/12/21	29/12/21	07/01/22
DSN	HSX	ĐHĐCĐ Thường niên 2022, chi tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	28/12/21	29/12/21	26/01/22
MDF	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (450đ/cp)	28/12/21	29/12/21	07/01/22
CLL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2022	28/12/21	29/12/21	28/12/21
NLG	HSX	Giao dịch 37.669.353 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			29/12/21
PLO	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	29/12/21	30/12/21	29/12/21
NTH	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	29/12/21	30/12/21	20/01/22
DDG	HNX	Giao dịch đầu tiên 28.519.943 cổ phiếu niêm yết bổ sung			29/12/21
HMH	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	29/12/21	30/12/21	14/01/22
QHD	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	29/12/21	30/12/21	18/01/22
DGC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	29/12/21	30/12/21	11/01/22
GEG	HSX	Giao dịch đầu tiên 7.000.000 trái phiếu niêm yết			29/12/21
ITC	HSX	Giao dịch 7.928.133 cp niêm yết bổ sung		17/12/21	30/12/21
SHB	HSX	Thực hiện quyền ứng cử, đề cử nhân sự	30/12/21	31/12/21	30/12/21
SHS	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	30/12/21	31/12/21	30/12/21
PAI	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	30/12/21	31/12/21	25/01/22
TDM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2022, tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)	30/12/21	31/12/21	30/12/21
AGM	HSX	ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2021			30/12/21
VHM	HSX	Giao dịch đầu tiên 22.800.000 trái phiếu niêm yết			30/12/21
VSN	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	30/12/21	31/12/21	30/12/21
BWE	HSX	Tham dự ĐHĐCĐ TN 2022, tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.200 đ/cp)	31/12/21	04/01/22	21/04/22
QCG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			31/12/21
DHN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp)	31/12/21	04/01/22	14/01/22
NSC	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 (2.000 đ/cp)	31/12/21	04/01/22	28/01/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
KBC	HSX	Giao dịch đầu tiên 4.000.000 trái phiếu chuyển niên yết			31/12/21
IMP	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	31/12/21	04/01/22	31/12/21
TVS	HSX	Giao dịch 8.840.010 cp niên yết bổ sung			31/12/21
BCF	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	31/12/21	04/01/22	17/01/22
VRE	HSX	Giao dịch đầu tiên 20.000.000 trái phiếu chuyển niên yết			31/12/21
VJC	HSX	Giao dịch đầu tiên của 6.000.000 trái phiếu chuyển niên yết			31/12/21



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng \geq 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696